UBND TỈNH AN GIANG
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-SNNMT

*An Giang, ngày tháng năm 2026*

**DỰ THẢO**

# TỜ TRÌNH
## Dự thảo Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 6; khoản 3 Điều 11; khoản 2, khoản 4 Điều 12; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Quyết định số 52/2019/QĐ UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó:

*"23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km2, quy mô dân số là 4.952.238 người.".*

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 01 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy

ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND; Quyết định số 52/2019/QĐ UBND được tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang (trước sắp xếp) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Tại khoản 5 Điều 6; khoản 3 Điều 11; khoản 2, khoản 4 Điều 12; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP quy định:

"***Điều 6. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống***

*5. Thời gian xét công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

***"Điều 11. Đào tạo nhân lực***

*3. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề. Đối với đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề của nghệ nhân, thợ thủ công được quyết toán theo số lượng thực tế. Nội dung, mức chi hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

***Điều 12. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn***

*2. Dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.*

*4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Điều này phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.*

***Điều 14. Hỗ trợ phát triển làng nghề***

*Làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định này, ngoài ra còn được hưởng các chính sách từ ngân sách địa phương như sau:*

*1. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; hình thức, định mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định."*

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

***"Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:*

*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;".*

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

***"Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật***

*1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.".*

**2. Cơ sở thực tiễn**

Sau hơn 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND, Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND, các quy định nêu trên đã góp phần phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; qua đó đã đánh giá hiệu quả công tác phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành và địa phương trong công tác quản lý, phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thực hiện việc hợp nhất tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, không còn tổ chức chính quyền cấp huyện. Vì vậy, một số nội dung quy định về chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; quy định phân công trách nhiệm quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trong các văn bản nêu trên không còn phù hợp với mô hình tổ chức quản lý mới.

Để bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, thực hiện chức năng quản lý nhà nước thống nhất sau khi sắp xếp, việc xây dựng Quyết định quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm thay thế Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND; Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền, nhằm cập nhật các quy định pháp luật mới, phù hợp với tổ chức bộ máy hiện nay, đồng thời nâng cao hiệu quả chính sách.

## II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

**1. Mục đích ban hành Quyết định**

Nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của trung ương (Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ) để làm cơ sở cho công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh. Đồng thời phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn sau khi hợp nhất tỉnh nhất tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang, tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, không còn tổ chức chính quyền cấp huyện.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định**

Việc xây dựng Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giangđược thực hiện trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Bảo đảm phù hợp với các quy định trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật về công tác phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề và các quy định pháp luật có liên quan.

- Việc xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề phải bảo đảm đúng đối tượng, danh mục, tiêu chí công nhận làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống.

- Bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, khả thi, tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang theo trình tự như sau:

1. Ngày 15 tháng 7 năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 8150/SNNMT-PC gửi Sở Tư pháp về việc lấy ý kiến dự thảo Công văn đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh năm 2026;

2. Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tư pháp có Công văn số 5623/STP-XDTHPL ngày 03 tháng 8 năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tích hợp nội dung quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn vào chung dự thảo Quyết định này. Do đó, khi Quyết định được ban hành sẽ đồng thời thay thế và bãi bỏ 03 văn bản trước đây của UBND tỉnh (gồm: Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND, Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND), nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Tiếp theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn 9725/SNNMT-CCPTNTQLCL ngày 11 tháng 8 năm 2026 đăng ký Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026.

4. Quyết định được chấp thuận xây dựng theo trình tự, thủ tục tại Công văn số 17047/VP-KT về việc đăng ký xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026 về ngành nghề nông thôn.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến một số cơ quan có liên quan theo Công văn số ……/SNNMT-CCPTNTQLCL ngày …./…/2026 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo hồ sơ Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và tổng hợp ý kiến tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo, hoàn chỉnh dự thảo.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo Công văn số ……/SNNMT-CCPTNTQLCL ngày …./…/2026. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số …./BC-STP ngày …./…./2026 của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Quyết định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo quy định.

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ QUYẾT ĐỊNH

### 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; phân công trách nhiệm quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp Luật.

- Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn.

### 2. Bố cục

Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo yêu cầu chính sách hỗ trợ đúng đối tượng theo quy định được tiếp cận đầu tư, phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang, gồm 04 Chương, 22 Điều cụ thể như sau:

- Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nội dung hoạt động ngành nghề nông thôn.

Điều 4. Nguồn kinh phí và nguyên tắc sử dụng kinh phí.

- Chương II: CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Tên, thành viên của nghề truyền thống, làng nghề.

Điều 6. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 7. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 8. Thành lập Hội đồng xét công nhận.

Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng.

Điều 10. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 11. Thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 12. Quyền lợi, nghĩa vụ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Chương III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN VÀ LÀNG NGHỀ

Điều 13. Mặt bằng sản xuất.

Điều 14. Về đầu tư, tín dụng.

Điều 15. Xúc tiến thương mại.

Điều 16. Khoa học công nghệ.

Điều 17. Đào tạo nhân lực.

Điều 18. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 19. Hỗ trợ phát triển làng nghề.

- Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Phân công trách nhiệm.

Điều 21. Chế độ thông tin, báo cáo

Điều 22. Điều khoản thi hành.

**3. Nội dung cơ bản**

Quy định nội dung và định mức cụ thể để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; nội dung và định mức cụ thể để hỗ trợ phát triển làng nghề; Hoạt động ngành nghề nông thôn; Một số nội dung về phối hợp, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các cơ quan có liên quan.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

### 1. Dự kiến nguồn lực

a) Về nguồn nhân lực: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh

doanh hoạt động theo quy định của pháp luật. Do vậy, không ảnh hưởng tới vấn đề tổ chức cũng như việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

b) Về nguồn tài chính: Ngân sách trung ương, Ngân sách địa phương, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**2. Thời gian dự kiến thông qua Quyết định**

Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ trình thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh vào tháng 10 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về ban hành Quyết định Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo Dự thảo Quyết định và các văn bản khác có liên quan)./.*

***Nơi nhận**:*
- Như trên;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- BGĐ Sở NNMT;
- Phòng: Pháp chế, KHTC;
- Chi cục PTNTQLCL;
- Lưu: VT, CCPTNTQLCL, nthuong.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hồ Thanh Bình**